

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 -2022
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tuấn và bà Thân Thị Quyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L - Sinh ngày: 07/9/1997;

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Nhân viên Văn phòng.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T - Sinh ngày: 29/9/1996;

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

*(Chị L có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa
nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày như sau:

Chị với anh Dương Văn T kết hôn ngày 29/11/2013 trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc lừa dối gì và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống cùng bố mẹ anh T. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 10 năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không hòa hợp với nhau về tình cảm. Do

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị và anh T sống ly thân nhau từ khoảng đầu tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh T có với nhau 01 con chung là cháu Dương Phương A - Sinh ngày 08/10/2017, hiện cháu A đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Về quá trình kết hôn và thời điểm vợ chồng sống ly thân nhau anh nhất trí ý kiến trình bày trên của chị L là đúng. Quá trình chung sống anh và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, hơn nữa trong cuộc sống chung chị L có thái độ vô lễ với gia đình nhà chồng. Nay anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu được ly hôn anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị L có với nhau 01 con chung là cháu Dương Phương A - Sinh ngày 08/10/2017. Nếu ly hôn anh cũng yêu cầu được nuôi cháu A và cũng không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nhất trí ý kiến trình bày trên của chị L, quá trình chung sống vợ, chồng không có sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp theo quy định, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị L và bị đơn là anh Dương Văn T cùng có nơi cư trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh T. Theo quy định tại khoản

1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa anh Dương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân và các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa chị L và anh T đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 10 /2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung và không hòa hợp với nhau về tình cảm và quan điểm sống. Ngoài ra, do vợ chồng chung sống với bố mẹ anh T nên trong cuộc sống chung còn có mâu thuẫn giữa chị L và bố, mẹ anh T. Do mâu thuẫn vợ, chồng nên chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, trong khoảng thời gian từ đó cho đến nay không ai có mong muốn và cố gắng giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ, tại phiên tòa chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều yêu cầu được ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, trên thực tế cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L và cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp thực tế và đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T có một con chung là cháu Dương Phương A - Sinh ngày 08/10/2017, khi ly hôn chị L và anh T đều có yêu cầu được nuôi con.

Xét yêu cầu của chị L thấy rằng: Hiện chị L làm nhân viên Văn phòng có công việc và thu nhập ổn định. Hơn nữa, hiện cháu A còn nhỏ nên cháu cần sự quan tâm chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ hơn, hiện cháu cũng đang ở ổn định với chị L từ khi vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, việc giao con cho chị L nuôi dưỡng sẽ đảm bảo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho cháu được sống, học tập và phát triển tốt nhất và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị L và giao cháu Dương Phương A cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về yêu cầu của anh T: Hiện anh T là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, nếu giao con cho anh T nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo về cho con về điều kiện được sống, học tập, phát triển được tốt nhất. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị L có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều xác định quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu một khoản án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị L, cho chị L được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phương A - Sinh ngày 08/10/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T vì chị L tự nguyện chưa yêu cầu.

Anh T được quyền đi thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002833 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị L đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã T, H. Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn